

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ - ST

Ngày 16/7/2020

V/v Không công nhận vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con và cấp
dưỡng nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Huyền

2. Bà Bạc Thị Thanh Thùy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại phòng xét xử trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc: Không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 Tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Vân A; Sinh năm 1987.

Trú tại: Khối TG, thị trấn TG, huyện TG, tỉnh Điện Biên

Bị đơn: Anh Lường Văn Ch; Sinh năm 1988.

Trú tại: Khối TL, thị trấn TG, huyện TG, tỉnh Điện Biên.

(Chị Phạm Thị Vân A có mặt và anh Ch vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/5/2020 và lời khai trong bản tự khai, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Phạm Thị Vân A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Vân A và anh Lường Văn Ch chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 nhưng không đăng ký kết hôn. Tôi với anh Ch sống với nhau được khoảng 5 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã lẫn nhau từ cuộc sống hàng ngày đến việc chăm sóc con cái. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, mặc dù gia đình hai bên đều đã cố gắng hòa giải nhưng không thể hàn gắn được. Tình cảm vợ chồng ngày phai nhạt dần. Hiện tại tôi và anh Ch đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2016 cho đến nay. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống chung với anh Ch được nữa. Tôi đã được Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng không thể quay về chung sống. Tôi vẫn đề nghị Tòa án tuyên bố tôi và anh Ch không phải là vợ chồng.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vân A và anh Ch có 02 người con chung, cháu Lường Khánh V - sinh ngày 03/01/2012 và cháu Lường Trung K - sinh ngày 30/05/2013. Khi ly hôn nguyện vọng của chị Vân A là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V và cháu K. Yêu cầu anh Ch có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đối với cháu V và cháu K mỗi tháng 4.000.000đ/ tháng. Phương thức cấp dưỡng hằng tháng, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 05 năm 2020. Yêu cầu Tòa án giải quyết việc giao nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung cho anh chị.

Về tài sản: Tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng (Nợ phải trả, nợ phải thu) chị Phạm Thị Vân A khai nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/5/2020 và trong đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Lường Văn Ch trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi nhất trí với ý kiến trình bày của chị Phạm Thị Vân A về việc chúng tôi không đăng ký kết hôn đã chung sống với nhau từ năm 2011. Tôi thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống chung với chị Vân A được nữa. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án tuyên bố tôi và chị Vân A không phải là vợ chồng.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Ch và chị Vân A có 02 người con chung là Lường Khánh V, sinh ngày 03/01/2012 và Lường Trung K, sinh ngày 30/05/2013. Anh Ch cũng nhất trí với nguyện vọng của chị Vân A là giao cả hai con cho chị Vân A là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Tôi có trách nhiệm

cấp dưỡng nuôi cháu V và cháu K mỗi tháng là 1.500.000đ/tháng đến khi cháu V và cháu K thành niên và có khả năng lao động. Phương thức cấp dưỡng hằng tháng, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ đầu tháng 05 năm 2020. Hình thức cấp dưỡng chuyển khoản vào tài khoản của chị Phạm Thị Vân A.

Về tài sản: Tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng (Nợ phải trả, nợ phải thu) anh Ch khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của các cháu Lường Khánh V và Lường Trung K vào ngày 05/3/2020 đều khai và mong muốn có nguyện vọng được ở với mẹ.

Ngày 25/5/2020 Toà án tiến hành xác minh thông tin của bà Cao Ngọc Hà là Trưởng khối TG, thị trấn TG, huyện TG, bà Hà cho biết: Chị Vân A và anh Ch chung sống với nhau như vợ chồng và không đăng ký kết hôn. Chị Vân A về sinh sống tại khối TG từ năm 2017 cho đến nay thì không thấy anh Ch sống chung. Chị Vân A ở cùng hai cháu V và K. Chị Vân A công tác tại Trung tâm kinh doanh VNPT Điện Biên – Phòng bán hàng huyện TG có thu nhập ổn định. Cháu V và cháu K được mẹ nuôi dưỡng, yêu thương, chăm sóc và được đi học đầy đủ.

Ngày 05/6/2020 Tòa án nhân dân huyện TG đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải chị Vân A và anh Ch thống nhất, thỏa thuận được với nhau về những vấn đề sau:

1. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao 02 con chung là cháu Lường Khánh V, sinh ngày 03/01/2012 và cháu Lường Trung K, sinh ngày 30/05/2013 cho chị Phạm Thị Vân A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu V và cháu K thành niên và có khả năng lao động. Anh Ch có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đối với cháu V và cháu K hàng tháng là 1.500.000đ/ tháng. Phương thức cấp dưỡng hằng tháng, hình thức cấp dưỡng chuyển khoản vào tài khoản của chị Phạm Thị Vân A, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ đầu tháng 05 năm 2020.

2. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng (Nợ phải trả, nợ phải thu): Chị Phạm Thị Vân A và anh Lường Văn Ch đều công nhận là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Vân A tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Lường Văn Ch.

Do chị Anh và anh Ch sống chung với nhau mà không đăng ký kết hôn nên Tòa án phải tiến hành xét xử để không công nhận quan hệ hôn nhân của chị Anh và anh Ch.

Ngày 24/6/2020, Tòa án nhân dân huyện TG quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Ch có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228/BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh Lương Văn Ch.

Tại phiên tòa chị Phạm Thị Vân A vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa giải quyết các yêu cầu như trong đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án công nhận những thỏa thuận được và không có ý kiến bổ sung. Anh Lương Văn Ch có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn anh vẫn giữ nguyên quan điểm như bản tự khai và tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện TG: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Căn cứ các điều 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Giao 02 con chung là cháu Lương Khánh V, sinh ngày 03/01/2012 và cháu Lương Trung K, sinh ngày 30/05/2013 cho chị Phạm Thị Vân A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu V và cháu K thành niên và có khả năng lao động. Anh Ch có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đối với cháu V và cháu K hàng tháng là 1.500.000đ/tháng. Phương thức cấp dưỡng hằng tháng, hình thức cấp dưỡng chuyển khoản vào tài khoản của chị Anh, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ đầu tháng 05 năm 2020; *Về quan hệ tài sản:* Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; *Về án phí:* Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a Khoản 5, điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14. Chị Phạm Thị Vân A phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm và 150.000đ án phí về việc cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí chị Vân A phải nộp là 450.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai số AA/2010/05660 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TG, tỉnh Điện Biên. Số tiền án phí chị Phạm Thị Vân A còn phải nộp là 150.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Phạm Thị Vân A, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án: “Không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 5, Khoản 7, Khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Ch có hộ khẩu thường trú tại thị trấn TG, huyện TG, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TG theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Anh và anh Ch lấy nhau năm 2011 nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Ngày 16/7/2020 Tòa án nhân dân huyện TG đã tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án. Bị đơn anh Lường Văn Ch có đơn xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lường Văn Ch theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh Ch lấy nhau năm 2011 chỉ cưới theo phong tục không đăng ký kết hôn. Chị A và anh Ch đều thừa nhận hai bên chung sống tự nguyện, không ai bị ép buộc. Quá trình chung sống do tính tình hai bên không hợp nhau. Chị A và anh Ch đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Hiện tại chị A và anh Ch đã không còn tình cảm với nhau. Tuy nhiên do chị A và anh Ch lấy nhau không đăng ký kết hôn vi phạm quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận chị A và anh Ch là vợ chồng.

[6]. Về các vấn đề đương sự đã thỏa thuận được:

[6.1]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung

- Về con chung: Chị A và anh Ch có 02 con chung là cháu Lường Khánh V - sinh ngày 03/01/2012 và cháu Lường Trung K - sinh ngày 30/05/2013. Chị A và anh Ch thỏa thuận giao hai con chung là cháu V và cháu K cho Chị Vân A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian chị Vân A và anh Ch ly thân, cháu V và cháu K do chị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng. Tại hai bản tự khai ngày 05/3/2020, cháu V và cháu K đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị Phạm Thị Vân A cũng đã chứng minh được

bản thân có mức lương ổn định là 8.274.658 đồng nên có đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con chung. Quan điểm giải quyết việc nuôi con của chị Vân A và anh Ch phù hợp với nguyện vọng của cháu V, cháu K. Nên việc giao cháu V và cháu K cho chị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho hai cháu và phù hợp với quy định tại Điều 15, Khoản 1, Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vân A và anh Ch thống nhất thỏa thuận anh Ch sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu V và cháu K là 1.500.000đ/tháng. Phương thức cấp dưỡng chuyển khoản vào tài khoản của chị Vân A, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 05 năm 2020. Xét các tài liệu thu thập được về mức thu nhập, tuổi của con chung và hoàn cảnh sống của trẻ em trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở quy định của pháp luật Hội đồng xét xử thấy trách nhiệm nuôi con là của chung hai vợ chồng do vậy việc anh Ch có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu V và cháu K mỗi tháng 1.500.000đ như thỏa thuận giữa chị Vân A và anh Ch là phù hợp theo quy định tại Điều 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6.2]. Về tài sản: Tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng (Nợ phải trả, nợ phải thu): Chị Phạm Thị Vân A và anh Lương Văn Ch đều công nhận là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6.3]. Về án phí: Chị Phạm Thị Vân A phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. Đối với phần án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do các đương sự thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa nhưng có yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, quyết định thì người có nghĩa vụ cấp dưỡng phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch do vậy anh Lương Văn Ch phải chịu 50% án phí là 150.000đ. Nhưng chị Vân A đã tự nguyện chịu phần án phí này nên chị Vân A còn phải nộp 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí chị Phạm Thị Vân A phải chịu là 450.000đ, theo quy định tại Khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a Khoản 5, Điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân huyện TG phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 5, Khoản 7, Khoản 8 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 14, Điều 15; Khoản 2 Điều 53; Khoản 1, Khoản 2 Điều 81; Điều 82 ; Điều 83; Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a Khoản 5, điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị Vân A và anh Lương Văn Ch là vợ chồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

2.1. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Lương Khánh V, sinh ngày 03/01/2012 và cháu Lương Trung K, sinh ngày 30/05/2013 cho chị Phạm Thị Vân A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên và có khả năng lao động. Anh Lương Văn Ch có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu V và cháu K hàng tháng là 1.500.000đ/ tháng. Phương thức cấp dưỡng hằng tháng, hình thức cấp dưỡng chuyển khoản vào tài khoản của chị Anh, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 05 năm 2020.

Kể từ ngày chị Phạm Thị Vân A có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Ch không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì anh Ch phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh Ch lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị Phạm Thị Vân A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Ch.

Vì lợi ích của các con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản: Tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng (Nợ phải trả, nợ phải thu): Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Phạm Thị Vân A phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 150.000đ án phí về việc cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí chị Vân A phải nộp là 450.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai số AA/2010/05660 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TG, tỉnh Điện Biên. Số tiền án phí chị Phạm Thị Vân A còn phải nộp là 150.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Vân A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16/7/2020. Anh Lương Văn Ch được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự bảo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện TG;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND thị trấn TG;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đình Hiếu

